

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2005/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ**Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (lĩnh vực dạy nghề không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này), hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Những hành vi vi phạm hành chính về giáo dục được quy định tại các nghị định khác của Chính phủ (sau đây gọi là các nghị định có liên quan) thì áp dụng các quy định tại các nghị định đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này và các nghị định có liên quan.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam đều bị xử phạt

như cá nhân, tổ chức Việt Nam theo các quy định tại Nghị định này và các nghị định có liên quan, trừ trường hợp các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

3. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục thì bị xử lý theo các quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay.

Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục khi có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các nghị định khác của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính có liên quan.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính một lần.

Một người, một tổ chức thực hiện nhiều

hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

Nhiều người, nhiều tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục thì mỗi người, mỗi tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính của cá nhân mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác đã làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng tự điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục có liên quan đến tài chính, sở hữu trí tuệ, xây dựng, môi trường, nhà ở, đất đai, xuất bản, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc vi phạm hành chính là hành vi buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả thì thời hiệu là hai năm; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức

có vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực giáo dục hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc kể từ thời điểm chấm dứt hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 7. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định cho hành vi

đó. Nếu hành vi vi phạm có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 8 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì mức phạt có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được dưới mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu hành vi vi phạm có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì mức phạt có thể tăng lên cao hơn mức trung bình nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng các quyết định thành lập, giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng quy định sử dụng quyết định, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

c) Trục xuất nếu người vi phạm là người nước ngoài.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục còn có thể bị áp dụng

một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Buộc đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động giảng dạy, giáo dục;

c) Buộc hủy bỏ kết quả các môn thi hoặc chấm lại bài thi;

d) Buộc thực hiện giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập bổ sung đủ số tiết, nội dung, chương trình theo đúng quy định; cung ứng tài liệu, thiết bị theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt;

đ) Buộc hủy bỏ quyết định sai, trái với quy định của cơ quan có thẩm quyền;

e) Buộc khôi phục quyền học tập, lợi ích hợp pháp, kết quả đánh giá đúng của người học, bảo đảm quyền của người được sử dụng văn bằng, chứng chỉ;

g) Buộc hoàn trả người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí hoàn trả do hành vi vi phạm hành chính gây ra;

h) Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ đã cấp trái phép;

i) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất các sách giáo khoa, tài liệu, thiết bị giáo dục đã nhập khẩu trái phép do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Chương II

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC,
HÌNH THỨC XỬ PHẠT
VÀ MỨC XỬ PHẠT**

Điều 8. Vi phạm quy định về thành lập cơ sở giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi làm mất quyết định thành lập, giấy phép, chứng chỉ hành nghề nhưng không trình báo với cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung nội dung, mua, bán, chuyển nhượng, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn quyết định thành lập, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trái với quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền đối với hành vi thành lập cơ sở giáo dục trái phép theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thành lập cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thành lập cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo cao đẳng;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo đại học, sau đại học.

4. Phạt tiền đối với hành vi mở lớp độc lập để giảng dạy theo các chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dự bị đại học, luyện thi tuyển sinh đại học, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc hành vi cho phép sai thẩm quyền theo mức phạt sau đây:

a) Từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lớp mầm non;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lớp phổ thông;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lớp đào tạo trung học chuyên nghiệp, dự bị đại học, luyện thi tuyển sinh đại học;

d) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với lớp đào tạo đại học, sau đại học.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi quy định tại Điều này:

a) Tịch thu tang vật đối với hành vi nói tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc trả lại cho người học số tiền đã

thu và chịu mọi chi phí tổ chức hoàn trả đối với hành vi nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về hoạt động của cơ sở giáo dục

1. Phạt tiền đối với hành vi không chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ hoạt động hoặc giải thể; hoạt động ngoài thời hạn quy định của giấy phép; tự ngừng hoạt động khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép gây thiệt hại cho người học theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo cao đẳng;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo đại học, sau đại học.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo và cấp chứng chỉ trái quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến

30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đào tạo và cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Đào tạo các ngành, chuyên ngành ngoài thẩm quyền được giao.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc trả lại cho người học các khoản tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức hoàn trả đối với hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 và thu hồi văn bằng, chứng chỉ đã cấp trái phép đối với vi phạm nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục quyền học tập bị mất của người học do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Vi phạm quy định về chương trình, nội dung và kế hoạch giáo dục

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi dạy không đủ số tiết hoặc nội dung kiến thức (tính quy thành số tiết) môn học theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học theo mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 5 tiết học một lớp trong một năm học;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm từ 5 đến 10 tiết học một lớp trong một năm học;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm từ 11 đến 15 tiết học mỗi lớp trong một năm học;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 16 đến 20 tiết học một lớp trong một năm học;

đ) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với vi phạm từ 21 tiết học trở lên một lớp trong một năm học.

2. Phạt tiền đối với hành vi giảng dạy hoặc phổ biến những nội dung không có trong chương trình, sách giáo khoa, giáo trình đã quy định nhằm mục đích xuyên tạc nội dung giáo dục (nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự) theo mức phạt sau đây:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm lần thứ hai trở lên.

3. Hình thức xử phạt bổ sung đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tịch thu tang vật đối với vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trục xuất nếu cá nhân vi phạm là người nước ngoài đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng có thời hạn nếu

vi phạm lần đầu hoặc không thời hạn nếu tái phạm giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc đình chỉ giảng dạy, hoạt động giáo dục của cá nhân vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện bổ sung số tiết dạy và nội dung còn thiếu đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu và thẩm quyền tuyển sinh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi khai man hoặc tiếp tay cho việc khai man hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển học sinh vào các cấp, bậc học phổ thông sai đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền với các mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai dưới 3 học sinh;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 3 đến 5 học sinh;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 6 đến 10 học sinh;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 11 đến 15 học sinh;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 16 học sinh trở lên.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trung học chuyên nghiệp vượt quá chỉ tiêu số lượng, sai đối tượng hoặc tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền với các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm tuyển vượt quá dưới 5% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá từ 5% đến dưới 10% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển dưới 10 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá từ 10% đến dưới 15% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 10 đến 20 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển

vượt quá từ 15% đến 20% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 21 đến 30 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

đ) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá trên 20% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 31 người học trở lên không đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

4. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học vượt quá chỉ tiêu số lượng, sai đối tượng hoặc tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền với các mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá dưới 5% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá từ 5% đến dưới 10% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển dưới 10 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá từ 10% đến dưới 15% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 10 đến 20 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá từ 15% đến 20% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 21 đến 30 người học không đúng đối tượng, tiêu chuẩn;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển vượt quá trên 20% chỉ tiêu số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển từ 31 người học trở lên không đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

5. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo và cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân sai thẩm quyền được giao với mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh (bằng mọi hình thức) khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu nhận hồ sơ, tổ chức thi hoặc xét tuyển, triệu tập thí sinh khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao.

6. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định của Nhà nước về tuyển sinh để đào tạo ở nước ngoài hoặc ở cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo chương trình giáo dục phổ thông, trung học chuyên

nghiệp, cao đẳng đại học, sau đại học với các mức phạt sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 1 đến 5 người học;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 6 đến 10 người học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 11 đến 15 người học;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 16 đến 20 người học;

đ) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 21 đến 25 người học;

e) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với vi phạm tuyển sai từ 26 người học trở lên.

7. Hình thức xử phạt bổ sung đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Tịch thu tang vật đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn nếu vi phạm lần đầu và không thời hạn nếu tái phạm đối với vi phạm quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc hủy bỏ các quyết định sai do hành vi quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc trả lại các khoản tiền đã thu của người học và chịu mọi chi phí cho việc trả lại đối với hành vi nói tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về thi tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục và thi tốt nghiệp để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người quản lý thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi thực hiện nhiệm vụ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực ngăn cản người quản lý thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi thực hiện nhiệm vụ.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thi thay người khác hoặc thi kèm để trợ giúp người khác;

b) Chuyển tài liệu, thông tin, đồ dùng trái phép vào phòng thi cho thí sinh đang dự thi;

c) Làm lộ bí mật số phách bài thi.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi đánh tráo bài thi hoặc tiếp tay cho người khác đánh tráo bài thi của người dự thi không đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy chế thi sau đây:

a) Ra quyết định thành lập bộ máy, phân công nhiệm vụ cho cán bộ trái với quy chế áp dụng cho kỳ thi đó;

b) Làm mất hoặc làm hư hỏng bài thi đến mức không thể chấm được bài thi đó;

c) Chấm bài thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp không đúng đáp án, thang điểm;

d) Lập bảng điểm sai lệch với kết quả chấm của bài thi.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi của thí sinh trái quy định.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm lộ bí mật hoặc làm mất đề thi (nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự).

8. Hình thức xử phạt bổ sung đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Tịch thu các tang vật, phương tiện đã sử dụng thực hiện hành vi vi phạm quy

định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, điểm d khoản 5 và khoản 6 Điều này gây ra;

b) Buộc hủy bỏ kết quả thi của người vi phạm (nếu là thí sinh dự thi) đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và của thí sinh được hưởng lợi đối với hành vi quy định tại các khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều này;

c) Buộc chấm lại bài thi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong các cơ sở giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và giáo dục đại học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đầy đủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về chấm bài, đánh giá, xếp loại kết quả học tập gây ảnh hưởng đến kết quả môn học, học kỳ, năm học của người học theo mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở giáo dục phổ thông;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở giáo dục trung học chuyên nghiệp;

c) Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở giáo dục đại học.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc khôi phục kết quả đánh giá, xếp loại học tập đúng thực tế của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về quản lý cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện trách nhiệm cấp phát, chứng nhận bản sao hoặc xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ đã cấp;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ có nội dung sai gây trở ngại cho người sử dụng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ theo quy định làm căn cứ để cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ;

b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm sai lệch hồ sơ dẫn đến việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ tiêu chuẩn.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định cấp chứng chỉ trái phép;

b) Hủy hoại hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu dùng làm căn cứ để cấp phát hoặc xác nhận tính hợp pháp của chứng chỉ (nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự).

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định cấp văn bằng trái phép;

b) Hủy hoại hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu dùng làm căn cứ để cấp phát hoặc xác nhận tính hợp pháp của văn bằng (nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự).

6. Hình thức xử phạt bổ sung đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn nếu vi phạm lần thứ hai và không thời hạn nếu tiếp tục tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Thu hồi văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo

1. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn quy định theo mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi sử dụng giáo viên mầm non không đủ tiêu chuẩn;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giáo viên phổ thông không đủ tiêu chuẩn;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giáo viên trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung

tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học không đủ tiêu chuẩn;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giảng viên cao đẳng không đủ tiêu chuẩn;

đ) Phạt tiền từ 11.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giảng viên đại học, sau đại học không đủ tiêu chuẩn.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc đình chỉ hoạt động giảng dạy, giáo dục đối với các nhà giáo không đủ tiêu chuẩn đang sử dụng nêu trong hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong các cơ sở giáo dục

Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định của cơ quan có thẩm quyền về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên, giảng viên trong cơ sở giáo dục với các mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở các cấp, bậc học phổ thông;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở giáo dục trung học chuyên nghiệp,

trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở đào tạo cao đẳng;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở đào tạo đại học, sau đại học.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra việc sửa chữa học bạ, phiếu điểm hoặc các tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học sai quy định, gây hậu quả với các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với vi phạm từ 1 đến 2 trường hợp người học;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm đối với từ 3 đến 5 trường hợp người học;

c) Từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm từ 6 trường hợp trở lên.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ quản lý người học theo quy định của Điều lệ nhà trường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra.

Điều 18. Vi phạm quy định về sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục và cung ứng, sử dụng thiết bị giáo dục

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi ra quyết định trái quy định để mua, tiếp nhận quà tặng, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục và thiết bị giáo dục không đảm bảo chất lượng, gây ảnh hưởng xấu đến việc giảng dạy, học tập.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển và phát hành sách giáo khoa, tài liệu, thiết bị giáo dục sai kế hoạch cung ứng do cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất các sách giáo khoa, tài liệu, thiết bị giáo dục đã nhập trái phép do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra;

b) Buộc khôi phục kế hoạch ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này gây ra.

Điều 19. Vi phạm quy định về học phí,

lệ phí và các khoản thu khác từ người học

Áp dụng theo quy định tại Chương II Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ Quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

Điều 20. Vi phạm quy định về hình thức kỷ luật buộc thôi học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi quyết định kỷ luật buộc người học thôi học sai quy định với các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm từ 1 đến 2 người học;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 3 đến 5 người học;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 6 đến 10 người học;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với vi phạm từ 11 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với vi phạm quy định tại Điều này:

Buộc hủy bỏ các quyết định sai trái và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về phổ cập giáo dục

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của học sinh các cấp, bậc học phổ cập.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc bỏ học đối với học sinh các cấp, bậc học phổ cập.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Chương II Nghị định này trên địa bàn và thẩm quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại

Chương II Nghị định này trên địa bàn và thẩm quyền quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Chương II Nghị định này trên địa bàn và thẩm quyền quản lý.

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra giáo dục

1. Thanh tra viên giáo dục đang thực hiện công vụ có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Chương II Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi

phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 24. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Điều 22 và khoản 2, khoản 3 Điều 23 Nghị định này vắng mặt thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương mình theo thẩm quyền quy định tại các Điều 28, Điều 29, Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thanh tra giáo dục có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục theo quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo thì chuyển hồ sơ vi phạm để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

3. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện cùng lúc nhiều hành vi vi phạm hành chính, trong đó có vi phạm thuộc lĩnh vực giáo dục thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 42 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Thẩm quyền trục xuất cá nhân là người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

5. Trường hợp khi xét thấy hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

1. Thủ tục lập biên bản, quyết định xử phạt được thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 20 và 21 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc phạt tiền và nộp tiền phạt phải

tuân theo thủ tục quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ tục tước quyền sử dụng quyết định thành lập, giấy phép, chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 11 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục thực hiện theo Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 31 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 27. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã được quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Cách tính thời hạn được quy

định tại Điều 9 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục mà không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế. Thủ tục cưỡng chế thi hành được quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định này. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Thẩm quyền và thời hạn khiếu nại, giải quyết khiếu nại áp dụng theo quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo. Việc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính

không làm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hành vi trái pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục của người có thẩm quyền xử phạt. Thủ tục khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định thì bị xử lý theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 30. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có hành vi vi phạm khác thì bị xử lý theo quy định tại Điều 122 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục quy định tại Nghị định số 18/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 quy định về lập và hoạt động các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác trước đây trái với quy định tại Nghị định này.

Điều 32. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải